

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển  
GV: Nguyễn Thị Linh  
Lớp dạy 10: 3,7,8,9  
Ngày soạn: 01/11/2025  
Thời gian thực hiện: tuần 13

## **BÀI 13 (1 tiết). THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH CHẾ ĐỘ NƯỚC CỦA SÔNG HỒNG**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Vẽ được biểu đồ thể hiện lưu lượng nước trung bình tháng, tính toán được thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Hồng.

#### **2. Năng lực:**

##### **\* Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
  - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
  - + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...

##### **\* Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
  - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:
    - > Vẽ được biểu đồ thể hiện lưu lượng nước của sông Hồng.
    - > Xác định và lí giải được thời gian mùa lũ, mùa cạn.
  - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được chế độ nước của sông Hồng.
- *Tìm hiểu địa lí:*
  - + Sử dụng các công cụ địa lí:
    - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
    - > Biết đọc và sử dụng bản đồ.
    - > Nhận xét và giải thích biểu đồ chế độ nước của sông Hồng, thời gian mùa lũ, mùa cạn.
  - *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
    - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về chế độ nước của sông Hồng.
    - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến chế độ nước của sông Hồng.

#### **3. Phẩm chất:**

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.
- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập và cuộc sống.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (nhất là tài nguyên nước).

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, biểu đồ.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Ôn định:

| Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|----------|-----|-------|---------|
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |

### 2. Kiểm tra bài cũ:

\* Câu hỏi: Trình bày vai trò của biển và đại dương đối với sự phát triển kinh tế-xã hội?

**Gợi ý:**

- Cung cấp nguồn tài nguyên quý giá: tài nguyên sinh vật biển; tài nguyên khoáng sản biển (dầu mỏ, khí thiên nhiên, muối biển,...); năng lượng sóng biển, thủy triều,...

- Là môi trường cho các hoạt động kinh tế-xã hội: đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, giao thông vận tải biển, du lịch biển,...

- Góp phần điều hòa khí hậu, đảm bảo sự đa dạng sinh học.

Tuy nhiên, tài nguyên biển là có hạn và dễ bị tổn thương  $\Rightarrow$  con người cần khai thác biển và đại dương một cách hợp lý và bền vững.

### 3. Hoạt động học tập:

#### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

**a) Mục đích:** HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

\* Câu hỏi: Em hãy nêu yêu cầu của bài thực hành?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

#### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

##### Hoạt động 2.1. Vẽ biểu đồ thể hiện lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng

**a) Mục đích:** HS vẽ được biểu đồ thể hiện lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo cặp để vẽ biểu đồ thể hiện lượng mưa trung bình tháng của sông Hồng.

\* Câu hỏi: Cho bảng số liệu:

BẢNG 13. LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH THÁNG CỦA SÔNG HỒNG TẠI TRẠM HÀ NỘI

(Đơn vị:  $m^3/s$ )

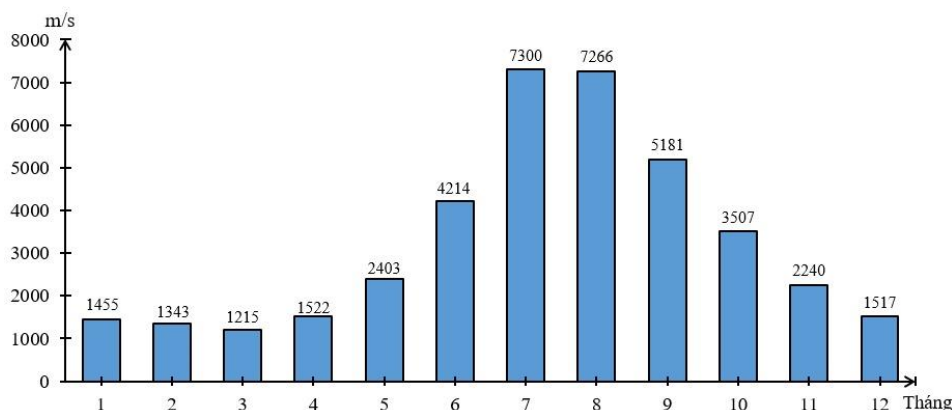
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|-------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
|-------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|

|           |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
|-----------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Lưu lượng | 1455 | 1343 | 1215 | 1522 | 2403 | 4214 | 7300 | 7266 | 5181 | 3507 | 2240 | 1517 |
|-----------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|

Vẽ biểu đồ thể hiện lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng?

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

- Vẽ biểu đồ:



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH THÁNG CỦA SÔNG HỒNG

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tính toán và cho biết thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Hồng**

a) **Mục đích:** HS tính toán được thời gian mùa lũ, thời gian mùa cạn của sông Hồng.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo nhóm để tính toán và cho biết thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Hồng.

**Hướng dẫn:** Dựa vào bảng số liệu, tính tổng lưu lượng nước sông Hồng. Sau đó lấy tổng lượng nước vừa tính chia cho 12 tháng sẽ được lưu lượng nước trung bình tháng trong năm. Các tháng có trị số lớn hơn trị số trung bình sẽ là tháng mùa lũ, thấp hơn là tháng mùa cạn.

\* Nhóm 1, 3: Tính toán và cho biết thời gian mùa lũ của sông Hồng?

\* Nhóm 2, 4: Tính toán và cho biết thời gian mùa cạn của sông Hồng?

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

- Tính toán và cho biết thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Hồng:

Tổng lưu lượng nước sông Hồng là:  $1455 + 1343 + 1215 + 1522 + 2403 + 4214 + 7300 + 7266 + 5181 + 3507 + 2240 + 1517 = 39163 \text{ (m}^3\text{/s)}$

Lưu lượng nước trung bình tháng trong năm là:  $39163 : 12 = 3263,58 \text{ (m}^3\text{/s)}$

Các tháng mùa lũ: tháng 6, 7, 8, 9, 10

Các tháng mùa cạn: tháng 11, 12, 1, 2, 3, 4, 5.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

Câu hỏi: Tại sao chế độ nước sông Hồng lại chia thành mùa lũ và mùa cạn?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

Do nguồn cung cấp nước cho sông Hồng chủ yếu là từ nước mưa, chế độ mưa trên lưu vực sông Hồng nói chung và trên lãnh thổ nước ta nói riêng diễn biến theo mùa (một mùa khô và một mùa mưa sâu sắc) nên đã làm cho chế độ nước sông Hồng cũng diễn biến theo mùa với một mùa lũ (tương ứng với mùa mưa) và một mùa cạn (tương ứng với mùa khô).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

\* Câu hỏi: Phân tích ảnh hưởng của chế độ nước sông Hồng tới các hoạt động kinh tế nước ta.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

a. Mùa lũ:

- Thuận lợi: giao thông vận tải đường sông, cung cấp nước ngọt cho sản xuất, cung cấp phù sa...

- Khó khăn: các hoạt động nông nghiệp bị ảnh hưởng lớn do thiên tai lũ, các hoạt động GTVT khác gặp nhiều khó khăn...

b. Mùa cạn:

- Thuận lợi: CN khai khoáng

- Khó khăn: thiếu nước ngọt cho sản xuất, GTVT đường sông gặp khó khăn...

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 14. Đất trên Trái Đất.

Nội dung:

- (1). Khái niệm đất và vô phong hóa.
- (2). Các nhân tố hình thành đất.

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển  
GV: Nguyễn Thị Linh  
Lớp dạy 10: 3,7,8,9  
Ngày soạn: 01/11/2025  
Thời gian thực hiện: tuần 13, 14

## CHƯƠNG 6: SINH QUYỀN BÀI 14 (2 tiết). ĐẤT TRÊN TRÁI ĐẤT

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được lớp vỏ phong hóa và đất; trình bày được các nhân tố hình thành đất.
- Liên hệ được thực tế ở địa phương.

#### 2. Năng lực:

##### \* **Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
  - + Sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
  - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...

##### \* **Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
  - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định và lí giải được sự phân bố đất trên Trái Đất.
  - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân bố đất trên Trái Đất.
- *Tìm hiểu địa lí:*
  - + Sử dụng các công cụ địa lí:
    - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
    - > Biết đọc và sử dụng bản đồ.
    - > Nhận xét và giải thích biểu đồ phân bố đất trên Trái Đất.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
  - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân bố đất trên Trái Đất.
  - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân bố đất trên Trái Đất.

#### 3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về tự nhiên của quê hương đất nước.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống.
- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập và cuộc sống.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nhất là tài nguyên đất.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, Atlas, bản đồ, tranh ảnh.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Ôn định:

| Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|----------|-----|-------|---------|
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |

2. **Kiểm tra bài cũ:** Không kiểm tra.

### 3. Hoạt động học tập:

#### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục đích:** Nhớ lại kiến thức đã được học về một số loại đất.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi..

\* Câu hỏi: Hãy kể tên một số loại đất mà em biết?

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu video về một số loại đất. Yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

*Đất là một trong những thành phần cấu tạo nên vỏ Trái Đất có vai trò quan trọng đối với sự sống, là nền tảng cho hầu hết các loài thực vật tồn tại và phát triển. Đất được hình thành như thế nào? Những nhân tố nào tham gia và quá trình hình thành đất?*

#### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

##### Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm đất và vỏ phong hóa

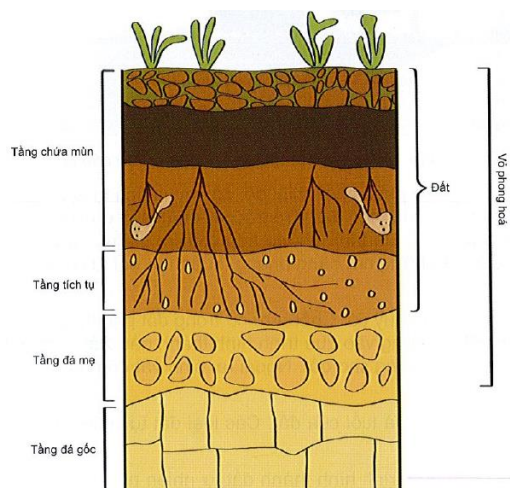
a) **Mục đích:** HS trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được vỏ phong hóa và đất.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo cặp để tìm hiểu khái niệm đất và vỏ phong hóa.

\* Câu hỏi: Dựa vào hình 14.1 và thông tin trong mục 1, hãy:

+ Trình bày khái niệm về đất.

+ Nêu sự khác nhau giữa lớp vỏ phong hóa và đất.



Hình 14.1. Phân diện đất và phong hóa

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

### 1. Khái niệm đất và vỏ phong hóa

- Đất là lớp vật chất mỏng bao phủ bề mặt các lục địa và đảo, được tạo thành do quá trình phong hóa các loại đá.
- Cấu tạo đất gồm: chất khoáng, chất hữu cơ, không khí và nước.
- Đặc trưng cơ bản của đất là độ phì.
- Độ phì là khả năng đất cung cấp nước, các chất dinh dưỡng và các yếu tố khác (nhiệt, khí,...) giúp thực vật sinh trưởng và phát triển.
- Vỏ phong hóa: là sản phẩm phong hóa của đá gốc, phần trên cùng của vỏ Trái Đất, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bên ngoài, có cấu trúc phân tầng theo chiều thẳng đứng.

*Em có biết: Phân diện đất là một mặt cắt thẳng đứng của đất có các tầng đất khác nhau. Mỗi tầng đất có quá trình hình thành khác nhau, tính chất đất cũng khác nhau về màu sắc, vật liệu, độ phì,...*

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

### Hoạt động 2.2. Tìm hiểu các nhân tố hình thành đất

a) **Mục đích:** HS trình bày được các nhân tố hình thành đất.

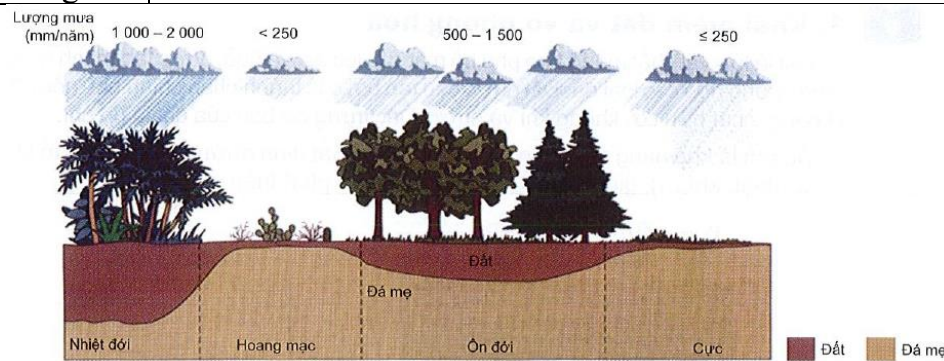
b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo nhóm để tìm hiểu các nhân tố hình thành đất.

\* Câu hỏi: Dựa vào thông tin và hình 14.2 trong mục 2, hãy trình bày các nhân tố hình thành đất theo gợi ý ở phiếu học tập sau:

#### PHIẾU HỌC TẬP

| Nhóm | Nhân tố  | Tác động |
|------|----------|----------|
| 1    | Đá mẹ    |          |
| 2    | Khí hậu  |          |
| 3    | Địa hình |          |
| 4    | Sinh vật |          |

|   |           |  |
|---|-----------|--|
| 5 | Thời gian |  |
| 6 | Con người |  |



Hình 14.2. Mối quan hệ giữa hình thành đất và khí hậu ở bán cầu Bắc

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

## 2. Các nhân tố hình thành đất

| Nhân tố   | Tác động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đá mẹ     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là nhân tố khởi đầu của quá trình hình thành đất. Các đặc tính như màu sắc, cấu tạo, thành phần khoáng sẽ tác động đến tính chất lí, hóa của đất.</li> <li>- Đá mẹ có tính chất chua như granit, thạch anh,... <math>\Rightarrow</math> đất chua.</li> <li>- Đá mẹ có tính kiềm như gabbro, badan,... <math>\Rightarrow</math> đất mang tính kiềm.</li> </ul>                                        |
| Khí hậu   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vai trò rất quan trọng, tác động đến sự phát triển của các nhân tố khác như đá mẹ, địa hình, sinh vật.</li> <li>- Hai yếu tố nhiệt độ và lượng mưa của khí hậu có tác động mạnh nhất đến quá trình phong hóa đá và hình thành đất.</li> </ul>                                                                                                                                                     |
| Địa hình  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tác động chủ yếu tới sự phân phối nhiệt độ, độ ẩm và tích tụ vật liệu.</li> <li>- Nước chảy theo độ dốc của địa hình làm xói mòn đất, rửa trôi các chất dinh dưỡng trong đất.</li> <li>- Ở vùng núi cao, nhiệt độ thấp nên quá trình phong hóa diễn ra chậm, vỏ phong hóa mỏng, sự hình thành đất yếu.</li> <li>- Ở những nơi bằng phẳng, quá trình bồi tụ chiếm ưu thế, tầng đất dày.</li> </ul> |
| Sinh vật  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia vào quá trình phá hủy đá.</li> <li>- Chất hữu cơ trong đất phụ thuộc rất nhiều vào sự xuất hiện của sinh vật tác động vào quá trình hình thành đất.</li> <li>- Xác của sinh vật phân hủy sẽ cung cấp chất dinh dưỡng cho đất.</li> <li>- Ngoài ra sinh vật còn ngăn chặn xói mòn, rửa trôi đất.</li> </ul>                                                                                  |
| Thời gian | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian hình thành đất được hiểu là tuổi của đất.</li> <li>- Các loại đất tự nhiên đều cần có thời gian để hình thành.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Con người | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vai trò rất quan trọng làm biến đổi đất, tạo ra một số loại đất có tính chất bị biến đổi, như đất trồng lúa nước, đất bạc màu, đất xói mòn trơ sỏi đá.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                 |

## d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

### - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

### - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a) Mục đích:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

\* Câu hỏi 1: Vẽ sơ đồ thể hiện các nhân tố hình thành đất?

\* Câu hỏi 2: Tại sao trên Trái Đất có nhiều loại đất khác nhau?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

\* Câu hỏi 1: HS tự hoàn thành (khuyến khích sự sáng tạo của HS)

\* Câu hỏi 2: Trên Trái Đất có nhiều loại đất khác nhau bởi vì: Sự phân hóa các yếu tố hình thành đất trong không gian, đặc biệt là sự phân hóa các điều kiện khí hậu (điều kiện nhiệt- ẩm) theo quy luật địa đới và phi địa đới sẽ tạo nên các thảm thực vật tương ứng. Do sự phân hóa của các nhân tố chủ đạo này dẫn đến sự hình thành nhiều loại đất khác nhau.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a) Mục đích:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức, trả lời câu hỏi.

\* Câu hỏi: Tìm hiểu về một số biện pháp để tăng độ phì, chống ô nhiễm, thoái hóa đất?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

Một số biện pháp để tăng độ phì, chống ô nhiễm, thoái hóa đất.

- *Bảo vệ và trồng rừng:* Tăng mật độ cây xanh, trồng rừng và bảo vệ rừng để làm tăng nguồn nước ngầm, chống xói mòn. Cần quản lý nguồn nước, điều tiết nguồn nước tưới một cách hợp lý.

- *Tưới tiêu hợp lý:* Nhằm bảo vệ nguồn nước và điều tiết nguồn nước tập trung, dự trữ nước cho mùa khô hạn và hạn chế được hiện tượng lũ lụt nên xây dựng hệ thống tưới tiêu nước và kỹ thuật tưới nước hợp lý. Đây là biện pháp rất quan trọng trong việc phục hồi khả năng sản xuất và tăng độ phì nhiêu của đất đã bị thoái hóa.

- *Trồng cây che phủ:* Trồng cây che phủ giúp hạn chế sự bốc thoát hơi nước, giữ độ ẩm cho đất. Đặc biệt trong trồng trọt, việc trồng cây che phủ là vô cùng quan trọng giúp bảo vệ hệ sinh thái đất, bảo vệ cây trồng khỏi tác động xấu của tự nhiên.

- *Luân canh cây trồng:* Luân canh các loại cây trồng khác nhau trên một diện tích đất trồng nhằm hạn chế việc cạn kiệt chất dinh dưỡng trong đất. Bằng việc trồng luân canh với các loại cây có khả năng cung cấp lại dinh dưỡng cho đất sẽ giúp bảo vệ đất trồng khỏi bị thoái hóa và bổ sung lại các dinh dưỡng trong đất bị mất đi do cây trồng hấp thu qua quá trình canh tác.

- *Bổ sung các chất hữu cơ cho đất:* Ngày nay đất trồng đang dần bị thoái hóa và mất dần đi cấu trúc cũng như chất mùn trong đất. Chất hữu cơ nên bổ sung như phân xanh, phân chuồng, phân ủ, rơm rạ, thân chuối, bèo lục bình,...

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 15. Sinh quyển.

(1). Khái niệm.

(2). Đặc điểm của sinh quyển.

(3). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố sinh vật.

